

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT
NAM

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VIỆN TRIẾT HỌC

TRẦN THỊ HẰNG

**CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG
PHÂN PHỐI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2009

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN TRIẾT HỌC – VIỆN KHXHVN**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà**

Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Văn Viên

Phản biện 2: TS. Nguyễn Thuý Vân

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
hợp tại phòng 203, tầng 2, số 59 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Vào hồi giờ....., ngày tháng ... năm 2009

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Viện Triết học

Thư viện Trường Đại học KHXH & NV

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn thế giới. Sự lan tỏa và tác động của quá trình đó đã tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống xã hội, tạo cơ hội cho tất cả các nước cùng phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức cho tất cả các nước như đói nghèo, thất nghiệp, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, làm ăn phi pháp, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các nước... Trong bối cảnh đó, vấn đề công bằng xã hội càng trở nên bức thiết.

Công bằng xã hội là một trong những mục tiêu xuyên suốt của sự nghiệp cách mạng mà Đảng ta và nhân dân ta đã tiến hành gần 80 năm qua, đồng thời là một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới với mục đích xoá bỏ bất công, chúng ta chủ trương thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Nhưng nguyên tắc phân phối theo lao động chưa được thực hiện trên thực tế lại bị biến thành phân phối bình quân, hơn nữa nếu có thực hiện thì cũng chưa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của nước ta lúc đó.

Vì vậy, từ khi tiến hành đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ trương thực hiện đa dạng hóa các hình thức phân phối (phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn, phân phối thông qua phúc lợi xã hội).

Nhờ sự đổi mới đó nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng: định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững, kinh tế tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, hầu hết mọi người đều hăng hái đóng góp công sức và vốn để xây dựng đất nước. Tuy

nhiên, trong xã hội lại nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế, những hành vi vi phạm pháp luật khác. Bên cạnh đó, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng gia tăng. Thực tế đó đặt ra các vấn đề: Phát triển nền kinh tế thị trường và thực hiện nhiều hình thức phân phối có đi chệch hướng chủ nghĩa xã hội hay không? Phân phối như thế nào là công bằng?

Đề tài “Công bằng xã hội trong phân phối ở nước ta hiện nay” liên quan đến các vấn đề trên, vì thế đó là đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Công bằng xã hội là một trong những chủ đề được nhiều nhà lý luận và hoạt động thực tiễn quan tâm. Ở Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu vấn đề công bằng xã hội và phân phối thu nhập. Trong những năm qua, đã có các công trình nghiên cứu như: “Một số vấn đề về công bằng xã hội ở nước ta hiện nay” (do Hoàng Chí Bảo chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993); “Động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” (do Lê Hữu Tăng chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997); “Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở một số nước Châu Á và Việt Nam” (do Lê Bộ Lĩnh chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998); “Công bằng xã hội trong tiến bộ xã hội” (của Nguyễn Minh Hoàn - Luận án tiến sỹ, 2005); “Phân phối trong nền kinh tế thị trường” (của Mai Ngọc Cường - Đỗ Đức Bình, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1994); “Lý luận chung về phân phối của chủ nghĩa xã hội” (của Lý Bân, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999); “Nguyên tắc phân phối vì mục tiêu công bằng xã hội ở nước ta hiện nay” (của Nguyễn Ngọc Hà, Tạp chí Triết học, số 8, 12-2002); “Vai trò của Nhà nước trong phân phối thu nhập ở nước ta hiện nay” (do Mai Hữu Thực chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004).

Tại “Hội thảo quốc tế về vấn đề công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội” được tổ chức năm 2007 tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã có nhiều bài nghiên cứu về công bằng xã hội dưới nhiều góc độ khác

nhau như khái niệm công bằng xã hội, tiêu chí của sự công bằng, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội, công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, thực hiện công bằng xã hội về giáo dục...

Gần đây, đã có nhiều bài viết, bài nghiên cứu đề cập một cách sâu sắc về vấn đề thực hiện công bằng xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay như:

- “Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam” của tác giả Trần Đức Cường (Tạp chí Triết học, số 1 tháng 1/2008). Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra những đánh giá khái quát về thành tựu và hạn chế trong thực hiện công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội ở Việt Nam trước và trong những năm đổi mới đất nước; đồng thời, gợi mở những vấn đề cần thảo luận để việc thực thi công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội không chỉ là một mục tiêu phấn đấu, mà còn là một động lực mạnh mẽ để phát triển đất nước và đảm bảo cho sự phát triển của Việt Nam là một sự phát triển bền vững.

- “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Lê Hữu Tăng (Tạp chí Triết học, số 1 tháng 1/2008). Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Những vấn đề đó là: 1. Khái niệm công bằng xã hội, những điểm tương đồng và khác biệt giữa nó và khái niệm bình đẳng xã hội; 2. Công bằng xã hội theo chiều dọc và công bằng xã hội theo chiều ngang; 3. Công bằng về cơ hội và bình đẳng về cơ hội; vai trò của trình độ phát triển kinh tế trong việc thực hiện công bằng xã hội; 4. Phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế; 5. Phân phối theo cống hiến cho xã hội; 6. Công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế; 7. Vấn đề thực hiện công bằng xã hội và bình đẳng xã hội.

- “Công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” của tác giả Phạm Xuân Nam (Tạp chí Triết học, số 2 tháng 2/2008). Trong bài viết này, tác giả đưa ra và luận giải: 1. Việc giải quyết mối quan hệ giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội ở một số mô hình kinh tế tiêu biểu trên thế giới, như mô hình kinh tế thị trường tự do, mô hình kinh tế thị trường xã hội, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung phi thị trường; 2. Những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hơn 20 năm đổi mới; cụ thể hóa quan điểm và đề xuất những giải pháp về thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

- “Bảo đảm công bằng xã hội vì sự phát triển bền vững” của tác giả Nguyễn Ngọc Hà (Tạp chí Triết học, số 2 tháng 2/2009). Trong bài viết này, tác giả đã phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam coi công bằng xã hội là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. Để có được công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, cần phải xác định và thực hiện đúng nguyên tắc phân phối phù hợp như Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra. Để phát huy vai trò động lực của công bằng xã hội, theo tác giả, cần khắc phục những thiếu sót trong việc thực hiện công bằng xã hội hiện đang còn tồn tại. Công tác lý luận cần hướng vào việc nghiên cứu và giải quyết nhiệm vụ đó. Và một số công trình nghiên cứu khác.

Những công trình nghiên cứu trên đã góp phần quan trọng làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về công bằng xã hội và phân phối thu nhập ở nước ta. Tuy nhiên, phân phối như thế nào để đảm bảo công bằng xã hội trong điều kiện hiện nay, giải pháp gì để đẩy lùi thiếu sót trong phân phối đảm bảo công bằng xã hội? Đó là những vấn đề liên quan đến công bằng xã hội trong phân phối còn có những ý kiến khác nhau, cần được làm rõ hơn.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

+ Mục đích của luận văn là luận chứng sự cần thiết phải tiếp tục quan tâm giải quyết vấn đề đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối ở nước ta hiện nay.

+ Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Trình bày khái lược quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về công bằng xã hội trong phân phối.

- Phân tích thực trạng của việc thực hiện công bằng trong phân phối ở nước ta hiện nay, nguyên nhân và một số giải pháp khắc phục thiếu sót trong phân phối.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công bằng xã hội trong phân phối.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu đã có.

5. Đóng góp mới của luận văn

- Góp phần làm rõ quan điểm của Đảng ta về thực hiện nhiều hình thức phân phối trong giai đoạn hiện nay là phù hợp với nền kinh tế thị trường, phù hợp với mục tiêu công bằng xã hội.

- Góp phần làm rõ thực trạng của việc thực hiện công bằng trong phân phối ở nước ta hiện nay.

6. Ý nghĩa luận văn

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu về vấn đề công bằng xã hội trong phân phối.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 2 chương và 5 tiết.

CHƯƠNG 1

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG PHÂN PHỐI

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về công bằng xã hội trong phân phối

Quan điểm về công bằng xã hội trong phân phối được C.Mác trình bày trong tác phẩm “Phê phán cương lĩnh Gô ta”. Theo C.Mác phân phối theo lao động đảm bảo công bằng vì tổng sản phẩm xã hội sau khi đã khấu trừ các khoản cần thiết phần còn lại đem phân phối theo lao động, tức là mỗi một người sản xuất sẽ nhận trở lại từ xã hội một số lượng vật phẩm tiêu dùng trị giá ngang với số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội. Tuy nhiên, C.Mác cũng đã chỉ rõ, chế độ phân phối đó vẫn còn thiếu sót so với giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa cộng sản, chế độ phân phối đó vẫn bị giới hạn trong khuôn khổ tư sản bởi vì lấy lao động làm thước đo cho phân phối nhưng những người lao động không phải ai cũng như ai, mỗi cá nhân người lao động có sự khác nhau về thể chất, tinh thần, tay nghề, hoàn cảnh gia đình...; với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia... Đó là sự thiếu sót của nguyên tắc phân phối theo lao động trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, lúc nó vừa mới lột lòng từ xã hội tư bản chủ nghĩa ra, sau những cơn đau đẻ dài. Mác còn chỉ ra rằng, khi lực lượng sản xuất chưa phát triển đạt trình độ thật cao, con người chưa phát triển toàn diện, còn phụ thuộc vào sự phân công lao động xã hội, thì chưa thể thực hiện đầy đủ nguyên tắc công bằng xã hội - khẩu hiệu làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Đòi hỏi thực hiện công bằng xã hội ở mức độ quá cao so với trình độ phát triển của kinh tế là ảo tưởng, là không

thực tế, sẽ làm cản trở sự phát triển. Chỉ giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa mới ghi trên lá cờ của mình “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”

Tóm lại, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin chế độ phân phối trong chủ nghĩa tư bản là bất công vì nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư do người công nhân tạo ra; chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối công bằng là làm theo năng lực hưởng theo lao động (ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít và ai không làm thì không hưởng), chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao thực hiện theo nguyên tắc phân phối công bằng hơn là “làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu”.

1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về công bằng xã hội trong phân phối

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc phân phối đảm bảo làm cho mọi người dân đủ ăn, đủ mặc. Người coi tham ô, lãng phí là sự bất công trong phân phối, là có tội với Đảng, chính phủ và nhân dân. Để làm được điều đó thì phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm và phân phối cho công bằng hợp lý. Hồ Chí Minh đã viết: “Sản xuất được nhiều đồng thời phải chú ý phân phối cho công bằng. Muốn phân phối cho công bằng, cán bộ phải chí công vô tư thậm chí có khi cán bộ vì lợi ích chung mà phải chịu thiệt một phần nào, chớ nên cái gì tốt thì dành cho mình, xấu để cho người khác”¹.

Hồ Chí Minh cũng đề ra nguyên tắc phân phối trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nguyên tắc phân phối theo lao động. Người viết “Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít. Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó việc dễ, cũng công điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải tránh chủ nghĩa bình quân”². Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội là nguyên tắc phân phối theo

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.537

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.410

lao động (phân phối theo lao động ở đây không có nghĩa là phân phối bình quân mà phân phối căn cứ vào năng suất và hiệu quả của lao động, nhưng chúng ta đã không thực hiện được trên thực tế nguyên tắc này trong điều kiện đất nước có chiến tranh), đồng thời phải thực hiện tốt các chính sách bảo đảm công bằng xã hội cho những người không có khả năng lao động như người già, trẻ em, gia đình thương binh liệt sĩ đảm bảo cho người dân đủ ăn, đủ mặc, được học hành và chăm sóc sức khỏe (mặc dù Người chưa nói cụ thể phân phối thông qua phúc lợi xã hội).

Như vậy, Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta những tư tưởng công bằng xã hội trong phân phối mang đậm tính nhân văn, tư tưởng đó được tỏa sáng từ một con người mà suốt cuộc đời tận tụy với hoài bão cao cả là làm sao cho mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, tiến bộ.

1.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công bằng xã hội trong phân phối

1.3.1. Thời kỳ trước đổi mới

Thời kỳ trước đổi mới có thể được chia làm 2 giai đoạn: 1954 - 1975; 1975 - 1986.

Trong giai đoạn từ năm 1954 đến 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu dưới hai hình thức là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trong giai đoạn 1960 - 1975 mặc dù chủ trương thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động nhưng trên thực tế chúng ta lại thực hiện nguyên tắc phân phối bình quân. Trong điều kiện đất nước có chiến tranh, hình thức phân phối bình quân chủ nghĩa tỏ ra có tác dụng tích cực; động viên người dân tích cực hăng say sản xuất, cống hiến xây dựng hậu phương vững chắc, chi viện sức người, sức của cho miền Nam; làm cho người lính ngoài mặt trận yên tâm

đánh giặc. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ hình thức phân phối bình quân là hình thức phân phối đảm bảo công bằng xã hội.

Trong giai đoạn 1975 - 1986, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc phân phối theo lao động là nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội nhưng trên thực tế sự phân phối vẫn mang tính chất bình quân đã làm cho đất nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

Như vậy, trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1986), Đảng coi nguyên tắc phân phối theo lao động dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là một nguyên tắc công bằng xã hội nhưng trên thực tế phân phối theo lao động thay vào đó là sự phân phối có tính chất bình quân. Nếu như phân phối theo hình thức bình quân chủ nghĩa trong điều kiện đất nước có chiến tranh đã phát huy được vai trò tích cực đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ thì khi hòa bình lập lại hình thức phân phối phân phối bình quân đã bộc lộ nhiều hạn chế. Đối với người lao động thuộc biên chế Nhà nước thì phân phối chủ yếu bằng tiền lương cùng với chế độ đãi ngộ mang tính bao cấp (tem phiếu, nhà ở, chữa bệnh...). Đối với nhân dân trong hợp tác xã nông nghiệp thì chấm công điểm là tiêu chí định giá công hiến lao động. Điều đó dẫn đến tình trạng người làm nhiều cũng như người làm ít. Người lao động không quan tâm đến hiệu quả, năng suất lao động, dẫn đến năng suất lao động thấp, thu nhập của người lao động không đủ đảm bảo nhu cầu tối thiểu của bản thân, phân phối bình quân tạo ra cho môi trường cho người lao động lười biếng, ỷ vào sự bao cấp của Nhà nước.

Thực tế đã chứng minh phân phối bình quân chủ nghĩa đã triệt tiêu động lực phát triển kinh tế - xã hội, làm cho nền kinh tế nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Có thể nói phân phối bình quân chính là “kẻ tòng phạm” với bất công xã hội và nó đã tồn tại trong suốt thời gian dài trong thời kỳ trước đổi mới.

1.3.2. Thời kỳ từ khi đổi mới đến nay

Tháng 12.1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện. Về chế độ phân phối, Đại hội VI khẳng định phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, đảm bảo công bằng xã hội, loại bỏ phân phối bình quân, cào bằng. Phân phối theo lao động không phải là phân phối bình quân mà phân phối căn cứ vào năng suất hiệu quả của lao động.

Để thực hiện công bằng xã hội, Đại hội VI nêu ra quan điểm chỉ đạo là lấy phân phối theo lao động là hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp trình độ phát triển kinh tế xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của sự bất công xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

Phát triển quan điểm Đại hội VI, Đại hội VII mở rộng hơn nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”³.

Để bổ sung quan điểm của Đại hội VII về thực hiện nhiều hình thức phân phối, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII đã xác định: “Phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng, đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh”⁴. Ngoài hình thức phân phối theo lao động, hình thức phân phối theo nguồn đóng góp vào sản xuất kinh doanh lần đầu tiên được chính thức thừa nhận. Phát triển quan điểm của Đại hội VII về thực hiện nhiều hình thức phân phối Đại hội VIII, IX, X đã cụ thể hóa hình thức phân phối theo đóng góp vốn và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Văn kiện Đại hội X đã khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực

³ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, Tr.10.

⁴ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (Khóa VII), Nxb CTQG, Hà Nội, tr.27

hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng với các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”⁵.

Như vậy, quan điểm của Đảng về phân phối đảm bảo công bằng xã hội từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đến nay dựa trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức phân phối, cụ thể có ba hình thức phân phối cơ bản sau.

Thứ nhất là phân phối theo lao động. Hình thức phân phối này căn cứ vào sự cống hiến bằng sức lao động cho xã hội: ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít, ai không làm không hưởng.

Thứ hai, phân phối theo mức đóng góp vốn. Hiện nay, nước ta đang trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nguồn vốn trong nước còn hạn hẹp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tăng trưởng và phát triển kinh tế, vì vậy để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển thì cần huy động nguồn vốn trong nhân dân cũng như kêu gọi nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

Thứ ba là phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội. Chủ nghĩa xã hội quan tâm đến người già, trẻ em, người tàn tật, người có công với cách mạng, tạo mọi điều kiện cho mọi người được học hành và được chăm sóc sức khỏe. Với mục tiêu đó, để đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối phải phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội.

Việc thực hiện đa dạng hóa các hình thức phân phối trong công cuộc đổi mới là phù hợp với quy luật phát triển của nền kinh tế xã hội, phù hợp với kinh tế thị trường. Có thể coi đây là sự bổ sung vào lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguyên tắc phân phối trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

⁵ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, Hà Nội, tr.77-78.

CHƯƠNG 2

THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG PHÂN PHỐI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY: THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

2.1. Thực trạng của việc thực hiện công bằng xã hội trong phân phối ở nước ta hiện nay

2.1.1. Những thành tựu đã đạt được

Thực tiễn hơn 20 năm thực hiện chủ trương của Đảng về thực hiện đa dạng các hình thức phân phối đến nay đã làm cho tình hình kinh tế xã hội nước ta có những chuyển biến tích cực và đáng tự hào.

Trên lĩnh vực kinh tế: Thu nhập bình quân trên đầu người không ngừng tăng (năm 2000 đạt 400 USD, năm 2007 đạt 835 USD, đến năm 2008 đạt 960 USD). Đời sống vật chất của dân cư không ngừng được cải thiện một cách rõ rệt. Tổng nguồn vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam không ngừng gia tăng, năm 2009 mặc dù nền kinh tế thế giới có những biến động lớn nhưng tổng nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đã đạt 300 nghìn tỷ đồng (17 tỷ USD). Ngành nông nghiệp cũng đạt được thành tích đáng kể. Năm 1997 xuất khẩu 3,3 triệu tấn lương thực; hiện nay xuất khẩu gạo nước ta đạt 4 triệu tấn đến 5 triệu tấn gạo đứng thứ 2 trên thế giới (sau Thái Lan).

Việc thực hiện chính sách xã hội nhằm mục tiêu công bằng xã hội có chuyển biến tích cực, giải quyết việc làm cho người lao động tăng thu nhập,

ổn định kinh tế - xã hội, đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng có những bước tiến bộ. Tuổi thọ trung bình của nhân dân tăng lên từ 63 lên 71,5. Công tác ưu đãi xã hội như quan tâm gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn không ngừng đẩy mạnh vì mục tiêu phát triển con người.

2.1.2. Những thiếu sót

Bên cạnh thành tựu đã đạt được, trong xã hội vẫn tồn tại không ít những thiếu sót trong phân phối. Chúng ta cần phải phân tích đúng thực trạng, nguyên nhân và tìm cách khắc phục sự thiếu sót trong phân phối còn tồn tại.

2.1.2.1. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và thu nhập thấp của người lao động

Để thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thì phải tạo được việc làm cho mọi người lao động, tạo cơ hội cho người lao động có quyền cống hiến sức lao động đúng như tinh thần của Đại hội VI đã khẳng định: “Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và đảm bảo về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp điều kiện cụ thể của nước ta”⁶. Nhưng thực tế tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta vẫn còn cao, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động. Theo thống kê của Bộ lao động năm 2008 cả nước có 30 ngàn lao động mất việc. Thực trạng thất nghiệp thiếu việc làm đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người lao động. Nhiều người không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp không đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu của người lao động về ăn, mặc, ở (chưa nói đến nhu cầu chăm sóc sức khỏe, học tập và tinh thần trong đời sống). Họ không đáng phải chịu cảnh khốn khó như vậy.

⁶ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.45.

Ngay đối với người lao động có việc làm thì nhiều người cũng có thu nhập rất thấp. Nếu năm 1993 quy định mức tiền lương tối thiểu nước ta 120.000đ/1tháng thì đến nay mức lương tối thiểu là 650.000đ/1tháng. Về mức lương hiện nay, nếu so sánh mức lương Nhà nước trả cho người lao động với nhu cầu tối thiểu cần thiết người lao động (ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, giao tiếp xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...) thì chế độ tiền lương còn thấp nhất là trong tình hình lạm phát giá cả các loại hàng hóa dịch vụ đang leo thang hiện nay. Đời sống của một bộ phận người lao động là hết sức khó khăn. Lương thấp chính là nguyên nhân một số cán bộ công chức Nhà nước không tận tâm với công việc, tìm cách tăng thu nhập ngoài lương (sinh ra những tiêu cực trong hàng ngũ này). Một số cán bộ bỏ Nhà nước ra ngoài dẫn tới hiện tượng chảy máu chất xám...

Ở nước ta hiện nay, bộ phận dân cư nghèo khổ còn nhiều. Theo tiêu chí giai đoạn 2006 - 2010, hộ có thu nhập dưới 230000 đồng/người/tháng ở thành thị và 200000 đồng/người/tháng ở nông thôn là thuộc hộ nghèo. Ở thời điểm cuối năm 2007, cả nước còn 14,8% hộ nghèo.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu ngoạn mục trong việc giảm nghèo như trên, nhưng hiện nay Việt Nam vẫn là một nước nghèo. Năm 2008 thu nhập bình quân đầu người/ năm đạt gần 1000 USD. Đói nghèo tự nó không phải là biểu hiện của bất công xã hội nếu như ai cũng đói nghèo. Nhưng trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người một năm khoảng 1000 USD như ở nước ta hiện nay thì tình trạng một bộ phận đáng kể dân cư đói nghèo có liên quan đến sự phân phối bất công. Tại sao trong điều kiện mà thu nhập bình quân đầu người một năm 1000USD, một bộ phận dân cư lại đói nghèo? Phải chăng họ xứng đáng nhận sự đói nghèo? Phải chăng họ không xứng đáng để được nhận trợ cấp để thoát nghèo? Chúng tôi cho rằng, trừ những người nghèo do lười biếng, chi tiêu bừa bãi; còn những người chăm chỉ, khỏe mạnh, không ngu dốt mà vẫn nghèo khổ ít nhiều đều là nạn nhân của sự phân phối bất công,

những người nghèo này không xứng đáng phải chịu cảnh nghèo đói. Vì vậy, để đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối thì Nhà nước cần làm cho những người nghèo khổ do nguyên nhân khách quan được thoát nghèo.

2.1.2.2. Sự phân hóa giàu nghèo phi lý có xu hướng gia tăng

Liên quan đến vấn đề người nghèo là vấn đề phân hóa giàu nghèo. Sự thiếu sót trong phân phối thể hiện sự phân hóa giàu nghèo phi lý.

Thực tế cho thấy số các gia đình giàu (phù hợp pháp luật) trong xã hội tăng lên. Họ là nhân tố tạo việc làm cho người nghèo, đóng thuế vào ngân sách Nhà nước, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế, là tấm gương để người nghèo vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Sự phân hóa giàu nghèo này không phải là vấn đề đáng lo ngại vì đó không phải là biểu hiện của bất công bằng, mà là động lực của sự tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong sự phân hóa giàu nghèo ở nước ta hiện nay có một phần biểu hiện của sự phân phối bất công, bởi vì có một bộ phận dân cư làm giàu bất hợp pháp như các hiện tượng buôn lậu, trốn thuế, hàng giả, tham nhũng... Sự phân hóa giàu nghèo phi lý đang có xu hướng gia tăng gây nên những bức xúc, bất công trong xã hội. Rõ ràng thu nhập có được ở đây không dựa vào sự cống hiến lao động, cống hiến đóng góp vốn mà dựa vào thu nhập bất hợp pháp, gây ra bất công đối với những người lao động khác cũng như bất công đối với người nghèo, sự bất công này cần được khắc phục kịp thời.

2.1.2.3. Một bộ phận dân cư trong diện ưu đãi xã hội và trợ cấp xã hội chưa được giải quyết tốt

Quỹ phúc lợi xã hội nước ta được phân thành hai bộ phận chính: một bộ phận biến thành thu nhập cá nhân như lương hưu, tiền trợ cấp; một bộ phận tiêu dùng các dịch vụ về giáo dục, y tế...

Do điều kiện lịch sử để lại, hiện nay cả nước ta 60 vạn thương binh (trong đó có tới 1,7 vạn thương binh nặng), 5 vạn người và gia đình có công với nước, 8 ngàn cán bộ lão thành cách mạng, 3,3 vạn bố mẹ liệt sỹ già yếu cô

đơn, hàng vạn con liệt sĩ mồ côi cả cha lẫn mẹ, 12 vạn người già cô đơn phải cứu tế, 150 ngàn trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ, 10 triệu người chịu hậu quả của chiến tranh, hơn 4 triệu người tàn tật. Đây là các đối tượng xã hội chịu thiệt thòi và dễ bị tổn thương cần có sự ưu đãi và trợ cấp xã hội. Qua thực tế trên chúng ta thấy rằng, những người lao động thuộc diện chính sách thì hiện nay lại gặp vô vàn khó khăn trong cuộc sống. Đây là vấn đề gây bức xúc cần giải quyết kịp thời đảm bảo công bằng xã hội.

Bên cạnh vấn đề chính sách xã hội thì vấn đề cứu trợ xã hội còn tồn tại nhiều bất cập. Công tác này vẫn còn nặng về cứu tế trước mắt. Một số địa phương ít chú ý hay thực hiện ở mức quá thấp nên ý nghĩa của việc làm này mang lại chưa nhiều. Hình thức hoạt động nhìn chung, còn nghèo nàn. Chưa huy động được sự tham gia ở mức tối đa của các ngành, các giới, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức từ thiện, các nhà hảo tâm. Chưa làm cho nhiều bạn bè nước ngoài hiểu đúng và đầy đủ công tác này để tranh thủ sự giúp đỡ.

2.1.2.4. Những thiếu sót trong giáo dục và đào tạo

Bên cạnh thành tựu đạt được trong giáo dục còn nảy sinh không ít vấn đề bức xúc, cần phải có biện pháp giải quyết.

Hệ thống giáo dục công lập với quy mô đào tạo còn nhỏ bé không đủ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hầu như các trường công lập đều thiếu thốn cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục. Để duy trì hoạt động các trường công lập phải thu học phí từ người học. Điều này đã làm cho nhiều người có khả năng học tập nhưng vì nghèo nên không được đi học. So với thời kỳ bao cấp, đây là một bước thụt lùi về công bằng xã hội, bởi vì các trường công lập là tài sản của toàn dân.

Hệ thống ngoài công lập ở nước ta hiện nay phát triển mạnh. Tuyển sinh đầu vào hết sức cởi mở đã đáp ứng nhu cầu của người học (có hình thức đào tạo từ xa chỉ thực hiện đầu vào xét theo nguyện vọng của học sinh). Tuy

hiện hệ thống các trường ngoài công lập ít đầu tư vào các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Về kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Hội nghị trung ương VI khóa IX nêu rõ về ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, nhưng nhìn chung ngân sách dành cho giáo dục ở những vùng đó còn thấp so với nhu cầu phát triển giáo dục.

Do sự chênh lệch về mức sống, khoảng cách chênh lệch nông thôn và thành thị, đồng bằng và miền núi nên nhiều con em gia đình nghèo, xuất thân từ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, con em các gia đình chính sách không đủ điều kiện theo học, thậm chí có em đỗ đại học nhưng không có điều kiện để theo học.

2.1.2.5. Những thiếu sót trong lĩnh vực y tế

Bên cạnh thành tựu đã đạt được thì vấn đề y tế còn không ít những hạn chế. Sự phát triển của các cơ sở tư nhân do nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân là điều đáng mừng. Nhưng các cơ sở tư nhân lại chỉ chú ý mục đích lợi nhuận, vì vậy y tế tư nhân thường chỉ tập trung ở thành phố lớn, khu dân cư đông đúc có điều kiện kinh tế cao mà không chú ý các vùng dân cư nghèo, vùng nông thôn, vùng miền núi.

Ở các cơ sở y tế công lập, vấn đề thu viện phí là vấn đề đáng quan tâm. Thu viện phí là để bù đắp lại những chi phí cho ngân sách y tế. Nhưng thực tế việc thu viện phí làm gia tăng sự bất bình đẳng giữa người giàu và người nghèo trong việc chăm sóc sức khỏe. Vì thực tế ngoài viện phí, còn có kinh phí ngân sách đầu tư cho hệ thống y tế, cho nên những người có tiền đóng viện phí đã được hưởng dịch vụ y tế bao cấp của Nhà nước. Người không có tiền đóng viện phí thì không được hưởng dịch vụ y tế đó. Rõ ràng là có sự bất công nảy sinh chính từ việc thu viện phí của người dân.

Nhiều các y, bác sỹ khi tốt nghiệp ra trường không muốn về khu vực nông thôn, miền núi, đặc biệt là khu vực vùng sâu vùng xa. Các khu vực này

thiếu trầm trọng y, bác sỹ giỏi, có tay nghề chuyên môn cao. Điều này làm cho vùng sâu, vùng xa bị thiệt thòi trong việc hưởng thụ dịch vụ y tế.

2.2. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục những thiếu sót trong phân phối ở nước ta hiện nay

2.2.1. Nguyên nhân của những thiếu sót trong phân phối ở nước ta hiện nay

Trước hết chúng ta phải khẳng định rằng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là hướng đi đúng đắn mà Đảng và Nhà nước ta đã lựa chọn. Tuy nhiên, quá trình triển khai các chủ trương, chính sách cũng như các biện pháp nhằm đạt mục tiêu công bằng xã hội có nhiều yếu kém và hạn chế. Những nguyên nhân chính của sự yếu kém này là.

Thứ nhất, nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự bất công xã hội ở nước ta trong thời gian qua là tình trạng tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế và các hành vi phạm pháp khác. Làm giàu bất hợp pháp là nguyên nhân chính gây ra sự bất công bằng xã hội. Đa phần những người làm ăn chân chính thì thu nhập thấp hơn so với thu nhập của một bộ phận làm giàu bất hợp pháp. Về thực chất, đó là tình trạng một số người này cướp đoạt tài sản của một số người khác. Làm giàu bất hợp pháp, không chỉ gây ra sự bất công mà còn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với bộ máy chính quyền, gây mất ổn định kinh tế - chính trị - xã hội.

Thứ hai, một số chính sách của Nhà nước chưa thực sự hợp lý. Chính sách trợ giúp người nghèo ở nước ta được đánh giá là tương đối tiến bộ. Nhưng điều đó không có nghĩa là việc trợ giúp người nghèo đã hoàn thiện đến mức không thể hoàn thiện hơn nữa. Vẫn còn những hiện tượng người nghèo đi không vay được ngân hàng đành phải vay tư nhân với lãi suất cao. Nhà nước vẫn chưa làm cho mọi người trong độ tuổi lao động đều có cơ hội việc làm. Nhà nước vẫn chưa làm cho mọi người dân được hưởng thụ từ dịch vụ y tế công. Nhiều gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ vẫn phải sống ở mức độ

nghèo khổ. Đương nhiên việc xây dựng các chính sách kinh tế, xã hội đúng đắn, hợp lý để xóa bỏ hoàn toàn bất công trong điều kiện hiện nay là rất không đơn giản; nhưng chúng ta cần phải thấy rằng một số chính sách bất hợp lý của Nhà nước cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự bất công.

2.2.2. Giải pháp cơ bản nhằm thực hiện công bằng xã hội trong phân phối

2.2.2.1. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

Để giải quyết việc làm thì cần phải thực hiện các biện pháp cơ bản sau đây:

- Xây dựng cơ cấu kinh tế mới có khả năng sử dụng lao động và giải quyết việc làm cho người lao động.
- Hình thành số lượng và nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường sức lao động trong nước và quốc tế.
- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- Mở rộng hình thức xuất khẩu lao động ra nước ngoài và liên doanh liên kết xuất khẩu lao động tại chỗ.
- Khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống nhằm thu hút nhiều việc làm cho người lao động.
- Tiến hành phân bổ lại nguồn lao động trên các địa bàn trong nước nhằm cân đối lại lực lượng lao động, hạn chế sự dư thừa lao động.
- Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương. Nâng lương tối thiểu cho người lao động, đáp ứng nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc, ở, học hành và các nhu cầu tinh thần khác.

2.2.2.2. Đẩy mạnh các biện pháp xóa đói giảm nghèo

Căn cứ vào thực tiễn đói nghèo ở nước ta hiện nay thì để xóa đói giảm nghèo cần thực hiện tốt những giải pháp cơ bản sau:

- Phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, tạo tiền đề vật chất cho xóa đói giảm nghèo.

- Điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Để thực hiện tốt việc điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư thì Nhà nước cần hoàn thiện hơn nữa các chính sách xã hội, chính sách thuế thu nhập.

- Trợ giúp người nghèo. Có người nghèo là do thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm làm ăn, không may mắn, vì tai nạn hoặc bệnh hiểm nghèo. Đối với những người nghèo vì những nguyên nhân khách quan thì Nhà nước và nhân dân cần có chính sách trợ giúp.

2.2.2.3. *Đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và cứu trợ xã hội*

Các giải pháp ưu đãi xã hội:

Một là, nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn dân về trách nhiệm đối với những người đã có hy sinh, cống hiến cho cách mạng.

Hai là, Nhà nước phải là chủ thể chính thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Bên cạnh vai trò nòng cốt của Nhà nước, cần phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể và toàn xã hội, để chính sách ưu đãi xã hội thật sự mang lại kết quả cao. Vai trò của Nhà nước và các đoàn thể xã hội thể hiện ở chỗ:

- Đối với gia đình liệt sỹ, thì cần ưu tiên về ruộng đất, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho họ làm ăn, ưu tiên tuyển dụng vào các cơ quan Nhà nước.

- Đối với những người tham gia cách mạng, thương binh, bệnh binh cần phải có những ưu tiên trợ cấp cho gia đình họ, cho bản thân họ để đảm bảo mức sống của họ tương đương với mức sống trung bình của xã hội.

Ba là, ưu đãi xã hội phải tôn vinh được những truyền thống, giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc.

Các giải pháp thực hiện cứu trợ xã hội là:

- Đối với người già cô đơn, người tàn tật nặng không còn sức lao động, trẻ em mồ côi còn nhỏ, chủ yếu nhờ cậy họ tộc, làng xóm các đoàn thể quần chúng nuôi dưỡng tại chỗ. Những nơi có điều kiện thì tổ chức nuôi dưỡng tại xã, phường. Những người không xin ghép được thì đưa vào các cơ

sở nuôi dưỡng tập trung. Còn đối với những người còn một phần sức lao động thì giúp vốn, giống, kinh nghiệm sản xuất... để phát triển kinh tế gia đình.

- Đẩy mạnh các hoạt động phòng ngừa tai nạn trong cuộc sống, cải thiện điều kiện làm việc.

- Tổ chức các lớp học tình thương, dạy chữ, dạy nghề cho trẻ em lang thang. Kết hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, tổ chức quần chúng, ngăn ngừa tệ nạn xã hội.

2.2.2.4. Giải pháp khắc phục những thiếu sót trong giáo dục

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng một xã hội học tập. Phải thực sự coi giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn xã hội, làm cho toàn dân học tập, toàn dân chăm lo giáo dục, toàn dân làm giáo dục, xây dựng một xã hội học tập.

- Nhà nước cần có cơ chế quản lý giáo dục đào tạo chặt chẽ, chống thương mại hóa trong giáo dục.

- Tăng cường kinh phí đầu tư cho giáo dục, nhằm xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục, tăng lương cho đội ngũ giáo viên, giảng viên.

- Có cơ chế chính sách thu hút người tài vào ngành giáo dục, ưu đãi đối với những nhà giáo có trình độ tâm huyết với nghề.

- Phát triển đan xen mô hình giáo dục công lập và ngoài công lập trong đó giáo dục công lập giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo định hướng về quy mô và chất lượng.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chính sách ưu tiên đối với con em những gia đình có công với cách mạng, người nghèo, người khuyết tật; thực hiện các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

2.2.2.5. Giải pháp khắc phục những thiếu sót trong y tế

- Nhà nước và địa phương xây dựng và thực hiện các đề án phát triển hoàn thiện hệ thống các bệnh viện công từ địa phương đến trung ương.

- Phát triển đan xen mô hình y tế công và y tế tư nhân trong đó y tế công giữ vai trò chủ đạo định hướng cho nền y tế phát triển.

- Sửa đổi định mức chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước của y tế theo hướng ưu tiên hơn nữa kinh phí đầu tư cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đảm bảo cho người nghèo, có điều kiện chăm sóc sức khỏe.

- Ban hành các chính sách ưu đãi đối với cán bộ, nhân viên y tế làm việc ở các tuyến cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo.

2.2.2.6. *Đẩy lùi tệ tham nhũng, làm ăn phi pháp*

- Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ tham nhũng và làm ăn phi pháp ở mọi nơi, mọi cấp và mọi cương vị.

- Phát huy vai trò tích cực của nhân dân trong đấu tranh chống tham nhũng và làm ăn phi pháp.

- Kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, viện kiểm soát, tòa án, thanh tra nhà nước, quản lý thị trường, hải quan, thuế.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa công tác quản lý với việc thực hiện nghiêm túc pháp luật.

Thực hiện tốt các giải pháp này sẽ tạo lập được sự công bằng qua đó thúc đẩy kinh tế - xã hội nước ta phát triển, hoàn thành mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

KẾT LUẬN

Công bằng xã hội là một trong những mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thực hiện công bằng xã hội trong phân phối là một động lực quan trọng góp phần đưa nước ta hoàn thành mục tiêu chung của toàn dân tộc là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Qua nghiên cứu vấn đề công

bằng xã hội trong phân phối ở nước ta hiện nay có thể có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng chế độ phân phối trong chủ nghĩa tư bản là bất công vì nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư do người công nhân tạo ra; chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối công bằng là làm theo năng lực hưởng theo lao động (ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít và ai không làm thì không hưởng), chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao thực hiện theo nguyên tắc phân phối công bằng hơn là “làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu”. Trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh tuy không đưa ra một định nghĩa cụ thể về công bằng xã hội hay công bằng xã hội trong phân phối, song khi nói đến đặc trưng chủ nghĩa xã hội, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, bản chất thực sự của chủ nghĩa xã hội thì Người nhiều lần nhấn mạnh công bằng xã hội và coi công bằng xã hội là một đặc trưng cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội, là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội là nguyên tắc phân phối theo lao động, phân phối theo lao động ở đây không có nghĩa là phân phối bình quân mà phân phối căn cứ vào năng suất và hiệu quả của lao động, đồng thời phải thực hiện tốt các chính sách bảo đảm công bằng xã hội cho những người không có khả năng lao động như người già, trẻ em, gia đình thương binh liệt sĩ đảm bảo cho người dân đủ ăn, đủ mặc, được học hành và chăm sóc sức khỏe (mặc dù Người chưa nói cụ thể phân phối thông qua phúc lợi xã hội).

2. Trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (giai đoạn trước đổi mới), chúng ta tập trung xóa bỏ chế độ tư hữu và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động - đây được coi là nguyên tắc đảm bảo công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động nước ta đã khắc phục một phần tình trạng bất công trong xã hội do xã

hội trước để lại, xóa bỏ được tình trạng người bóc lột người. Nhưng chỉ sau một thời gian nguyên tắc phân phối theo lao động biến thành “nguyên tắc phân phối bình quân”; điều đó đã làm nảy sinh những bất công trong phân phối, làm cho người lao động trở nên thụ động, ỷ lại Nhà nước, dựa dẫm vào nhau, thiếu tính tích cực, dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế.

Từ năm 1986 đến nay, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện nhiều nguyên tắc phân phối “chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng với các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội”. Đây là nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

3. Trong quá trình thực hiện các hình thức phân phối trong quá trình đổi mới (từ năm 1986 đến nay) bên cạnh thành công đạt được, xã hội Việt Nam vẫn còn sự bất công trong phân phối. Biểu hiện của sự bất công này là: thất nghiệp, nghèo đói, khoảng cách phân hóa giàu nghèo phi lý gia tăng. Nguyên nhân của tình trạng đó là do tham nhũng, làm ăn bất hợp pháp, những sự bất hợp lý trong chính sách phân phối của cải.

Để khắc những thiếu sót đó và đảm bảo công bằng xã hội, chúng ta cần thực hiện tốt nhiều giải pháp. Nhưng điều quan trọng hàng đầu là cần có sự chung sức của toàn Đảng và toàn dân.